

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Dũng.

+ Bà Phạm Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Thị K, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Hà Thị M, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Phan Thị K trình bày:

Bà Hà Thị M và ông Nguyễn T có làm chủ thảo hội nên có đề nghị với bà mua lại các phần hội của các hội viên cần lãnh hội để hưởng số tiền chênh lệch tăng do các hội viên đã lãnh hội góp lại trong mỗi kỳ khai hội. Ngày 30/01/2019 (âm lịch),

bà có mua 02 phần hui với số tiền 41.200.000 đồng. Tuy nhiên, khoảng 02 tháng sau vợ chồng ông Nguyễn T và bà Hà Thị M tuyên bố vỡ hui (ngưng khai hui) nhưng không trả lại số tiền 41.200.000 đồng. Bà có liên hệ đòi nợ nhiều lần, vợ chồng Nguyễn T và bà Hà Thị M cam kết trả nợ sau khi bán được đất. Ngày 28/7/2020, vợ chồng Nguyễn T và Hà Thị M có trả số tiền 2.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông Nguyễn T và bà Hà Thị M trả cho bà số tiền nợ hui còn lại 39.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Đối với bị đơn Nguyễn T, Hà Thị M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Phan Thị K cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản tự khai ngày 19/6/2020; Biên nhận nợ hui; Giấy CMND của Phan Thị K (bản sao), Sổ hộ khẩu gia đình của Phan Thị K (bản sao). Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn T và Hà Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Nguyễn T, Hà Thị M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ngày 30/01/2019 (âm lịch), bà Phan Thị K có mua lại 02 phần hui của dây hui do bà Hà Thị M và ông Nguyễn T làm chủ thảo với số tiền 41.200.000 đồng để được hưởng số tiền chênh lệch tăng do các hui viên đã lãnh hui góp lại. Tuy nhiên khoảng hai tháng sau ông Nguyễn T và bà Hà Thị M tuyên bố vỡ hui (ngưng mở khai hui) nhưng không trả lại số tiền 41.200.000 đồng. Ngày 28/7/2020, vợ chồng Nguyễn T và Hà Thị M có trả số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ hui 39.200.000 đồng chưa trả.

Xét thấy, giao dịch hui được xác lập giữa các bên phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; việc ông Nguyễn T và bà Hà Thị M ngưng mở hui, không trả số tiền hui cho bà Phan Thị K là vi phạm thỏa thuận giữa các bên được quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Hộ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là hộ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hộ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.”

Như vậy, bà Phan Thị K yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn T và bà Hà Thị M có nghĩa vụ trả cho bà số nợ hội 39.200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”* Như vậy, bà Hà Thị M và ông Nguyễn T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Phan Thị K được Tòa án chấp nhận. Theo điểm a tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định: *“Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 6.000.000đồng đến 400.000.000đồng mức thu án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp”*, số tiền án phí phải chịu là 1.960.000 đồng (39.200.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K. Buộc ông Nguyễn T và bà Hà Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị K số tiền 39.200.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phan Thị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hà Thị M và ông Nguyễn T chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị M và ông Nguyễn T chịu 1.960.000 đồng.

Trả lại bà Phan Thị K số tiền 1.030.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0000657 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy